

VẤN ĐỀ TÔN KÍNH TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT CÔNG GIÁO Ở GIÁO HỌ NỖ LỰC TỈNH PHÚ THỌ

LÊ ĐỨC HẠNH

Tôn kính tổ tiên được coi là đạo hiếu của nhiều tộc người trên thế giới và ở Việt Nam. Nghiên cứu về vấn đề tôn kính tổ tiên không chỉ là việc bảo tồn và phát huy nét đẹp văn hóa ở mỗi tộc người, mà còn là ghi dấu những giá trị văn hóa, tôn giáo, đạo đức trong các quan hệ xã hội, tôn giáo. Tôn kính tổ tiên được người Công giáo đặc biệt quan tâm nghiên cứu trong gần hai thập kỷ trở lại đây ở Việt Nam. Các học giả Công giáo qua *Tọa đàm Tôn kính tổ tiên* (Tòa Giám mục Huế, 1999), hay qua những bài giảng giáo lý đã nêu vấn đề tôn kính tổ tiên như sự răn dạy, giáo dục cho con cháu biết hiếu kính cha mẹ, làm tròn bổn phận đạo - đời với tư cách là người tín đồ - người con. Một số học giả không phải người Công giáo (Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Hồng Dương...) tiếp cận vấn đề này từ góc độ lịch sử, văn hóa, tôn giáo. Điểm chung của cả hai hướng tiếp cận này đều xem tôn kính tổ tiên như một đạo hiếu của người Việt và là một hướng hội nhập văn hóa Công giáo trong văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu chưa chỉ rõ những đặc trưng cơ bản của việc tôn kính tổ tiên trong cuộc sống ở các gia đình giáo dân thông qua những sinh hoạt tôn giáo của tín đồ Công giáo.

Bài viết này dựa trên kết quả nghiên cứu về tôn kính tổ tiên của người Công giáo ở giáo họ Nỗ Lực (Phú Thọ). Giáo họ Nỗ Lực là 1 trong 17 giáo họ/giáo khu của giáo xứ Nỗ Lực, nằm trên địa bàn xã Thụy Vân,

TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Giáo họ Nỗ Lực được gọi theo tên làng, Nỗ Lực là tên chữ, Bàu Nọ là tên Nôm, nhưng dân gian thường gọi chệch đi là Bù Nọ (Viện Thông tin KHXH VN, FQ4 18/XVI, 40, tr. 489). Giáo xứ Nỗ Lực có 1.442 hộ gia đình với 5.927 giáo dân, trong đó giáo họ Nỗ Lực có 3 xóm gồm 621 hộ với 2.739 giáo dân¹.

Bài viết sẽ góp phần bổ sung tư liệu và hướng tiếp cận mới - tiếp cận nhân học văn hóa trong vấn đề này, đồng thời chỉ ra một số đặc trưng cơ bản của hình thức tôn kính tổ tiên trong đời sống của người Công giáo cùng những tương đồng, khác biệt với người Việt không Công giáo.

1. Đặc trưng cơ bản của tôn kính tổ tiên của người Việt Công giáo ở giáo họ Nỗ Lực

Thờ cúng tổ tiên được xem là một trong những nếp sống đạo của người Việt Công giáo ở Nỗ Lực qua những sinh hoạt không thể thiếu trong các gia đình vào dịp lễ tết, giỗ chạp, tháng cầu cho các linh hồn, khi đám cưới, đặc biệt là trong tang ma. Trong mọi gia đình người Việt Nam từ lâu tín ngưỡng này đã trở thành đạo lý “uống nước nhớ nguồn” trên nền của “đạo hiếu”. Khái niệm *tổ tiên* được hiểu từ huyết thống gia tộc đến cả dân tộc; dân cả nước thờ các vua Hùng, kính hiếu mẹ Âu Cơ, các anh hùng dân tộc... Thờ cúng

¹ Số liệu do ông Đình Quang Toàn - Trưởng ban Hành giáo, giáo xứ Nỗ Lực cung cấp tháng 10 năm 2009.

tổ tiên mang tính chất phổ quát nhưng đồng thời cũng mang tính khu biệt trong các hình thức thể hiện với từng nhóm xã hội - tôn giáo cụ thể. Điều đó tùy thuộc vào niềm tin và quan niệm cụ thể của mỗi nhóm xã hội - tôn giáo này. Chính những đặc tính khu biệt của những hình thức thể hiện việc báo hiếu tổ tiên đã tạo nên sự phong phú, đa dạng và khởi sắc của việc thờ cúng tổ tiên.

Điểm đầu tiên tạo nên sự khu biệt đặc thù ở các tôn giáo và các nhóm xã hội là quan niệm về hồn và nơi ở của hồn sau khi chết. Người vô thần thì không tin có linh hồn và cuộc sống sau khi chết, họ quan niệm “chết là hết”. Phật tử thì quan niệm đời sống con người gắn chặt với kiếp, nên có sự tái sinh. Người Công giáo có một quan niệm riêng về sự tồn tại của linh hồn và thể xác, về nơi mà hồn sẽ “cư ngụ” sau khi chết - đó là Thiên Đàng, địa ngục hay nơi luyện ngục. Đối với người Công giáo thì Thiên đàng do chính Đức Chúa Trời cai quản, đó là nước Đức Chúa Trời (Lc 9: 2, 11, 60, 62; I Cr 6: 9, 10; 15: 50) (Kinh Thánh, 2003). Địa ngục không phải là nơi để hành tội kẻ ác sau khi chết, mà là nơi nghỉ có hy vọng dành cho người chết, kẻ thiện ác đến đó để chờ sự sống lại với họ. Còn luyện ngục là nơi dành cho những người chưa sạch tội, chưa được lên Thiên đàng, phải chờ ngày phán xét (Lm. Nguyễn Như Thể và cộng sự, 1992, tr. 91-92). Giáo dân Nỗ Lực quan niệm chết không phải là hết. Họ tin rằng: Những người sống đẹp lòng Thiên Chúa, không mắc tội sẽ được lên Thiên đàng và được gọi là các Thánh. Những người còn mang tội thì tùy thuộc vào tội nặng hay nhẹ mà phải xuống luyện ngục hay hoả ngục để đền bù tội lỗi mình đã làm khi còn sống và được gọi là các linh hồn. “Các linh hồn là giống thiêng liêng

chẳng hề chết được, và đến ngày tận thế, xác loài người ta sẽ sống lại mà chịu phán xét, kẻ lành lên Thiên đàng, hưởng hạnh phúc đời đời, kẻ dữ sa hoả ngục chịu phạt vô cùng” (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2005, tr. 46). Như vậy, quan niệm về sự chết, sự sống, phần hồn, phần xác là những tín điều mà mọi giáo dân đều phải tin theo. Trong niềm tin Công giáo, người giáo dân Nỗ Lực luôn hướng đến sự sống đời sau, mọi cố gắng ở hiện tại là nhằm mang lại những điều tốt đẹp cho đời sau của mỗi người. Điều đó không có nghĩa là họ hướng về cái chết, mong đợi cái chết, mà đó là ý thức về sự chết của người giáo dân Nỗ Lực. Giáo dân Công giáo Nỗ Lực cũng tin rằng giữa những người đang sống và những người khuất (các Thánh và các linh hồn) vẫn có mối liên hệ qua lại. Các Thánh sẽ cầu bầu cùng Chúa cho những người sống. Những người sống có thể làm việc lành phúc đức, đọc kinh cầu nguyện để lập công phúc cho các linh hồn nơi luyện ngục hay hoả ngục. Người sống tạo lập các công phúc nhằm giúp các linh hồn chuộc những tội lỗi đã phạm phải khi còn ở trần gian, có thể lên Thiên đàng và lại cầu bầu cùng Thiên Chúa cho chính người sống. Mối quan hệ qua lại giữa người sống với các Thánh, các linh hồn và Thiên Chúa chính là cơ sở niềm tin của sự chuyên giao công trạng. Người sống thờ kính những người đã khuất để bày tỏ lòng biết ơn của mình với họ vì những gì họ đã làm cho con cháu khi còn sống và cả những điều họ sẽ cầu bầu cùng Chúa cho con cháu sau khi chết. Kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Tôn giáo trên nhiều xứ đạo cho thấy mục đích của việc thờ kính tổ tiên là để tỏ lòng biết ơn với tổ tiên chiếm 97,5% (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2009).

Có thể nói, cơ sở của việc thực hiện tôn kính tổ tiên của người Công giáo Nỗ Lực xuất phát ngay trong giáo lý của họ. Trong “thập giới” (Mười điều răn của Thiên Chúa) thì sau ba điều răn dạy con người thờ phụng Thiên Chúa, điều răn thứ tư buộc giáo dân phải “thảo kính cha mẹ”. Đây là điều rất quan trọng bắt buộc mỗi giáo dân Công giáo phải có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện. Người Công giáo Nỗ Lực tin rằng sự hiện hữu của con người là hồng ân mà Thiên Chúa ban tặng. Cha mẹ có vai trò cộng tác với Thiên Chúa trong việc tạo ra sự sống và duy trì sự sống. Con cái luôn phải biết ơn công dưỡng dục sinh thành của cha mẹ, không ngoại trừ một lý do nào, bởi đó không chỉ là bổn phận mà còn là việc làm đạo đức mà con cái dành tặng cha mẹ, cũng là việc làm đẹp dâng lên Thiên Chúa. Kinh Thánh công nhận niềm hạnh phúc của một gia đình là cha mẹ biết thương yêu con cái và con cái biết vâng lời, hiếu thảo với cha mẹ. Đây chính là cơ sở để người giáo dân Công giáo Nỗ Lực thực hành việc thờ kính tổ tiên. Theo đó, thờ kính tổ tiên trước hết là đạo làm người, là lòng thành kính, biết ơn của thế hệ sau với thế hệ trước. Do đó, dù một thời gian dài bị lãng quên với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt bản địa do cách nhìn hạn chế từ phía Giáo hội, nhưng việc thờ kính tổ tiên vẫn tồn tại trong tâm khảm đời sống tâm linh của người Công giáo Nỗ Lực² (Nguyễn Hồng Dương, 1997).

² Vấn đề thờ cúng tổ tiên bị Toà thánh Vatican ngăn cấm và các đoàn truyền giáo tại Việt Nam có những thái độ khác nhau trong từng thời kỳ lịch sử, nhưng nhìn chung, giáo dân tuân thủ nghiêm ngặt những cấm đoán của Toà thánh trong vấn đề này. Việc thờ cúng tổ tiên chỉ được bãi bỏ sau năm 1965, sau khi Công đồng Vatican II (1962-1965) kết thúc.

2. Các hình thức thờ kính tổ tiên chủ yếu của giáo dân Nỗ Lực

Có thể nói trong chu kỳ một năm, người giáo dân Nỗ Lực thực hiện việc thờ kính tổ tiên vào các dịp như Tết Nguyên đán, lễ các đấng, đám tang, giỗ chạp, cưới xin... với những hình thức đa dạng.

Thờ cúng tổ tiên của người Công giáo Nỗ Lực được thể hiện rõ ràng và đậm nhất qua các nghi thức tang ma và giỗ chạp. Trong tang ma chúng tôi chia thành các giai đoạn cụ thể như giờ phút trước khi chết, khi người tín đồ qua đời, nghi thức an táng, sau đó là nghi thức giỗ chạp.

Người Công giáo ở Nỗ Lực nói riêng, ở vùng đồng bằng, trung du Bắc bộ nói chung từ nửa cuối thế kỷ XIX, khi qua đời gọi là *sinh thì*, giờ hấp hối gọi là *rình sinh thì*. Một số giáo dân cao tuổi giải thích rằng: người Công giáo quan niệm khi đó là chết nơi trần thế, nhưng là sự khởi đầu một đời sống mới nơi Thiên đàng. Giờ phút chết cũng có nghĩa là thời (thì) điểm khai sinh một cuộc sống mới ở nơi khác. Chuông nhà thờ xứ dành cho người chết là *chuông sinh thì* hay còn gọi là chuông sào, chuông tử.

Khi tín đồ sắp qua đời, các thừa tác viên (linh mục hay phó tế hoặc một trong số những người trong Ban hành giáo) được mời đến làm lễ xức dầu bệnh nhân với những nghi thức đã được quy định trong thánh lễ và ngoài thánh lễ. Thân nhân và các đồng đạo khi biết tin người hấp hối đều tập trung tại nhà người hấp hối, đọc kinh cầu nguyện cho người sắp qua đời được “on chết lành và được hưởng nhan Chúa”, đồng thời cũng là nâng đỡ về mặt tinh thần cho thân nhân người sắp qua đời và giúp đỡ những công việc có thể. Kết quả điều tra của chính tác

giả tại Nỗ Lực cho thấy có 100% gia đình giáo dân mời linh mục đến làm phép xức dầu, 98% gia đình có các đồng đạo đến đọc kinh cầu nguyện tại gia đình người đang hấp hối. Tại một điểm nghiên cứu khác cho thấy, 90% gia đình giáo dân có mời linh mục đến làm phép xức dầu, 86,3% tín đồ tập trung đọc kinh cầu nguyện tại gia đình người đang hấp hối.

Khi qua đời, người chết được đặt trên giường, vào một thời điểm thích hợp người thân làm lễ tẩm liệm, nhập quan. Người Công giáo Nỗ Lực không quan niệm chết vào giờ lành hay dữ, không chọn ngày, giờ tốt đưa tang; không thiết hồn phách, làm nhà táng, không có linh xa (kiệu hay xe) đưa rước linh hồn người qua đời. Khi có người chết, ngoài việc báo với chính quyền thôn, người thân phải báo với linh mục chính xứ và Ban hành giáo biết tin. Nhà thờ rung chuông sàu báo hiệu cho các tín hữu có đồng đạo qua đời. Tùy theo số tiếng (7 hay 9 tiếng) mà có thể biết người qua đời là nam hay nữ, già hay trẻ. Khi nghe chuông sàu, tín đồ ngừng việc đang làm hướng về phía nhà thờ đọc *Kinh lạy Cha*, tỏ lòng tiếc thương người qua đời.

Ở xứ đạo Nỗ Lực từ khi tín đồ Công giáo qua đời cho tới khi tiến hành nghi thức an táng tại nhà thờ, họ hàng, bà con và các đồng đạo lần lượt thay nhau cầu nguyện canh thức bên thi hài người quá cố. Trong tang lễ ở Nỗ Lực thể hiện vai trò cộng đồng của các hội đoàn với việc các hội đoàn thường tổ chức đoàn đọc kinh đến cầu nguyện cho gia đình có người quá cố vào tối trước ngày đưa tang. Đây là một trong những nếp sống đạo điển hình trong cộng đồng giáo dân Nỗ Lực về vấn đề tôn kính tổ

tiên của họ. Trong gia đình người chết, người ta đặt một bàn nhỏ, trên có nước thánh, hoa quả, một bát hương và hương để sẵn trước linh cữu người quá cố. Giáo dân Nỗ Lực khi đến viếng người mới qua đời dù trong hay ngoài đạo thường thắp hương, vái lạy người chết. Họ không đọc kinh riêng rẽ hay vẩy nước thánh khi vào viếng như ở một số nơi³. Trước khi an táng gia đình có tang rước thi hài người quá cố đến nhà thờ cử hành thánh lễ an táng. Người quá cố được đưa vào nhà thờ trong tư thế quay mặt về phía bàn thờ Chúa với ý nghĩa ngắm nhìn Thiên Chúa. Ở Nỗ Lực linh mục có thể cử hành thánh lễ theo nghi thức phụng vụ mà Giáo hội quy định hoặc có khi thừa tác viên thực hiện công việc này. Việc cử hành phụng vụ trong thánh lễ mang ý nghĩa cầu nguyện cho linh hồn người quá cố.

Sau nghi thức tại nhà thờ, người qua đời được đưa đi an táng. Thứ tự thường là: thánh giá nền cao, cò tang, vòng hoa, quan tài, thân chủ người qua đời, bôn đạo đưa tiễn. Người Công giáo Nỗ Lực có tục lệ khi đưa tiễn bố/mẹ qua đời con gái thường đi giật lúi phía trước quan tài, các con trai đi sau quan tài. Các hình thức khóc lóc, lăn đường, cắt tóc tang... đều bị Giáo hội cấm ngặt (Nguyễn Hồng Dương, 1997, tr. 212). Tại Vườn Thánh⁴ linh mục hoặc thừa tác viên tiến hành các nghi thức tiễn biệt cuối cùng với người quá cố theo như Giáo hội

³ Trong tang lễ của người Công giáo tại TP. Hồ Chí Minh, khi giáo dân người đến viếng người chết thường đọc một vài câu kinh cầu cho linh hồn của người chết; đồng thời dùng nước thánh vẩy lên người chết với ý nghĩa tẩy sạch mọi tội lỗi cho người qua đời. Tư liệu điền dã của tác giả tháng 12 năm 2008 tại TP. Hồ Chí Minh.

⁴ Vườn Thánh là từ chỉ nghĩa địa dành riêng cho người theo đạo Công giáo.

quy định như nghi thức làm phép ngôi mộ mới, nghi thức từ biệt trước khi hạ quan tài xuống huyệt. Tiễn đưa người quá cố có đông đủ họ hàng thân thích, thân bằng cố hữu và các đồng đạo trong họ, trong xứ đạo. Ở đây có sự liên kết giữa những người chung một đức tin, chung một “ngôi nhà Chúa Giêsu”, và đó cũng là cơ sở cho những hành vi tôn kính với người quá cố sau ngày an táng. Sau khi an táng người qua đời, gia đình giáo dân Nỗ Lực lập bàn thờ tôn kính. Bàn thờ tổ tiên người Công giáo Nỗ Lực được trang hoàng bày biện với bát hương, hương, nến, đèn, lọ hoa, di ảnh người quá cố, và hoa quả. Bàn thờ tổ tiên được lập theo nguyên tắc nhất định, đó là không được đặt ngang bằng hay cao quá bàn thờ Chúa Giêsu. Khảo sát ngẫu nhiên 24 gia đình ở Nỗ Lực cho thấy 100% bàn thờ tổ tiên của các gia đình này giữ nguyên tắc trên.

Người Công giáo Nỗ Lực không có tục bốc mộ, thiêu xác hay cốt người qua đời. Người qua đời được “đào sâu chôn chặt”, không có cải táng, mộ có thể được xây kiên cố. Kết quả điều tra xã hội học của chính tác giả cho thấy 100% giáo dân Nỗ Lực thực hiện không cải táng người quá cố.

Tại giáo xứ Nỗ Lực, khi có tang lễ bà con giáo dân đến đọc kinh cầu nguyện cho người quá cố. Trải quá trình, người Công giáo Nỗ Lực dần dần xuất hiện các loại kinh cầu nguyện liên quan đến người qua đời và tôn kính tổ tiên như: kinh cầu cho bệnh nhân; kinh cầu cho người hấp hối; kinh cầu cho người vừa tắt thở; kinh cầu nguyện lúc tắm liệm; kinh cầu cho các linh hồn... (Nguyễn Hồng Dương, 1997, tr. 268). Với người Công giáo Nỗ Lực vẫn giữ một số các tập tục tang lễ truyền thống như 3 ngày: đi

thăm mộ, cầu kinh; 49 ngày: lễ và đọc kinh cầu nguyện; 100 ngày: lễ và đọc kinh cầu nguyện; giỗ đầu (tiểu tường): đọc kinh cầu nguyện; giỗ hết (đại tường): đọc kinh cầu nguyện. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy tất cả các hình thức trên đều được thực hiện trong cộng đồng giáo dân Nỗ Lực.

Hàng năm đến ngày giỗ gia đình người Công giáo Nỗ Lực thường có hai hình thức tường niệm chính: xin lễ bàn thờ hoặc xin lễ mộ. Vào ngày giỗ, giáo dân Nỗ Lực xin lễ, đọc kinh, thăm mộ và tổ chức bữa cơm gia đình mà người ta cũng gọi là ăn cỗ. Vào ngày giỗ của người qua đời, gia đình cử người đại diện lên nhà thờ xin lễ. Cũng có khi việc xin lễ cho người quá cố được thực hiện khi linh mục làm thánh lễ. Trong thánh lễ đó, linh mục làm lễ giỗ thông báo tên thánh của người được xin lễ giỗ để cộng đoàn giáo dân hiệp thông cầu nguyện cho linh hồn đó. Trong ngày giỗ người Công giáo Nỗ Lực thường tổ chức đọc kinh, cầu nguyện cho linh hồn người qua đời. Kinh bắt buộc phải đọc là *Kinh cầu cho các linh hồn*.

Ngoài những ngày giỗ, niên lịch Công giáo còn dành riêng ngày 2/11 để cầu nguyện cho ông bà cha mẹ, đó là ngày lễ các đấng hay còn gọi là lễ cầu hồn. Tháng 11 dương lịch hàng năm được gọi là tháng Cầu hồn. Vào dịp này giáo dân Nỗ Lực thường lo tu sửa lại Vườn Thánh, tu sửa mộ chí thân nhân, linh mục, tu sĩ. Buổi chiều ngày 2/11, linh mục chính xứ cử hành một thánh lễ trong nhà thờ để cầu nguyện cho các linh hồn. Ngoài ra, vào các dịp cuối năm, giáo dân Nỗ Lực thường ra Vườn Thánh tảo mộ, tưởng nhớ người qua đời, sau đó mọi người cùng về nhà ông trưởng họ cầu kinh cho tổ

tiên và cùng nhau ăn bữa cơm cuối năm⁵. Giống nhiều xứ đạo khác, vào ngày mùng 2 Tết Nguyên đán, tại nhà thờ xứ Nỗ Lực linh mục chính xứ thường ban Thánh lễ cầu cho các linh hồn⁶.

Ngoài ra, việc tôn kính tổ tiên của giáo dân Nỗ Lực còn được thực hiện vào các dịp khác trong năm như cưới xin, tang ma hay khi gia đình có việc trọng đại nào đó như khi đi làm ăn xa...

Bảng 1. Thời điểm thực hiện tôn kính tổ tiên của giáo dân Nỗ Lực

Nội dung	Có (%)	Không (%)	Tổng (%)
Vào dịp Tết Nguyên đán	92,7	7,3	100
Khi tổ chức đám tang	97,4	2,6	100
Khi tổ chức đám cưới	92,8	7,2	100
Lúc gia đình có việc vui, trọng đại...	41,5	58,5	100
Vào ngày lễ các đấng	72,5	7,5	100
Trong các giờ cầu nguyện...	48	52	100
Trong các thánh lễ...	76,2	33,8	100

Nguồn: Kết quả điều tra điều tra xã hội học tại Nỗ Lực tháng 12 năm 2009.

Bảng 1 cho thấy giáo dân Nỗ Lực có ý thức sâu sắc về việc tôn kính ông bà tổ tiên và thực hiện sự thờ kính này mỗi khi có những việc trọng đại trong gia đình hay cộng đồng (các giờ cầu nguyện, các thánh lễ)... Chính ý thức về cội nguồn, về ơn nghĩa sinh thành là động lực và là lời răn dạy sâu sắc cho

những thành viên mới bước vào đời sống hôn nhân.

“Ở đây, khi ăn hỏi cũng như khi đón dâu, ở nhà gái và nhà trai đều làm lễ ông bà để tưởng nhớ công giáo dục. Cha xứ và Ban hành giáo cũng nhắc nhở để con cháu phải hiếu thảo, phải tôn trọng với cha mẹ và người già. Mỗi năm phải đi thăm mộ ông bà một lần vào tháng 11 đấy, tháng ý phải cầu nguyện cho ông bà để ông bà phù hộ cho con cái. Đến Tết Âm lịch thì phải dự lễ đầy đủ để cầu nguyện cho các cụ nữa. Nếu không là lỗi đạo đấy”.

(Phỏng vấn sâu một nam giới thuộc Ban hành giáo, 58 tuổi)

⁵ Tại giáo họ Nỗ Lực tùy theo mỗi dòng họ định ngày đi thăm mộ tổ tiên. Ví dụ họ Nguyễn, họ Đỗ tổ chức thăm mộ vào ngày 25 tháng Chạp hàng năm; một số họ khác lại tổ chức vào ngày 13 tháng Chạp...

⁶ Từ rất lâu đời, ngày mùng 2 Tết Nguyên đán là ngày kính nhớ ông bà tổ tiên với một thánh lễ. Tùy theo từng giáo xứ, họ đạo mà tổ chức thánh lễ cho ngày kính nhớ ông bà tổ tiên.

3. Nhận xét

Thờ cúng tổ tiên có nền tảng cơ sở xuất phát từ giáo lý của đạo Công giáo. Vấn đề báo hiếu tổ tiên là điều mọi người phải quan tâm. Giáo lý Công giáo đã đề ra những quy định bắt buộc mọi tín đồ phải giữ, để chu toàn chữ hiếu đối với ông bà cha mẹ khi còn sống cũng như khi đã qua đời. Kinh Thánh công nhận niềm hạnh phúc trào tràn của một gia đình mà cha mẹ biết thương yêu con cái, và con cái biết kính trọng và thảo hiếu với cha mẹ.

Việc thờ kính tổ tiên trong cộng đồng giáo dân Công giáo có những đặc trưng cơ bản của nó. Người Công giáo tin rằng, con người có hồn và xác, cả hồn và xác đều do Thiên Chúa tạo dựng nên. Việc thờ kính tổ tiên nơi người Công giáo có những đặc trưng cơ bản, như người chết được linh mục làm thánh lễ ở nhà thờ, được làm phép mồ trong Vườn Thánh. Trong ba ngày sau đó, họ hàng, làng xóm đến nhà tang chủ đọc kinh cầu nguyện cho người qua đời. Người Công giáo thường tổ chức giỗ tiên nhân thông thường là mỗi năm một lần vào ngày mà người đó mất, người ta xin lễ, đọc kinh, thăm mộ. Vào những dịp giỗ trọng (như 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu...) tất cả con cháu xa gần đều phải về “ăn giỗ” để tưởng nhớ người đã qua đời và để thể hiện sự “hiếu”, sự “kính” của mình với tổ tiên

Một đặc trưng nữa của việc tôn kính tổ tiên nơi người Công giáo là: ngoài những ngày giỗ, niên lịch của Giáo hội còn dành riêng ngày để cộng đoàn và con cháu cầu nguyện cho ông bà cha mẹ, đó là ngày mừng 2 tết Nguyên đán và ngày 2 tháng 11. Vào

ngày đó ở các xứ đạo ngoài thánh lễ do linh mục tổ chức tại nhà thờ, giáo dân còn xin lễ cầu cho ông bà cha mẹ, các gia đình tổ chức đi thăm mộ, sửa sang mộ, dọn dẹp Vườn Thánh. Một số nơi linh mục còn tiến hành dâng lễ ngay tại Vườn Thánh. Trong những ngày này, giáo dân nhắc nhở con cháu tham gia thánh lễ đầy đủ và làm việc lành với ý chỉ cầu bầu cho ông bà cha mẹ và các linh hồn khác đang còn ở luyện ngục.

Việc tang ma giỗ chạp trong cộng đồng giáo dân Công giáo có nhiều yếu tố hội nhập với văn hóa bản địa. Người ta cũng đặt một bàn nhỏ trưng hoa quả trước linh cữu người quá cố khi xác còn quàn tại nhà, có đặt lư hương để những người viếng xác thắp hương và vái lạy người chết. Trong nhà người Công giáo cũng có bàn thờ ông bà cha mẹ, và nhiều người vẫn thường thắp hương ở đó, nhiều gia đình có đặt hoa quả nhất là trong dịp giỗ, dịp tết... Người Công giáo không quan niệm người chết hưởng dùng những hoa trái ấy, họ làm thế là để biểu lộ lòng thành kính, hiếu thảo của con cháu với tiên nhân. Các dịp giỗ chính như giỗ bảy tuần, giỗ trăm ngày, giỗ giáp năm, giỗ mãn tang, là những yếu tố được nhập từ văn hóa bản địa. Những mốc thời gian ấy vốn là truyền thống lâu đời của người Việt và người Công giáo ở Việt Nam. Nhìn chung, giáo dân Công giáo rất quan tâm đến việc báo hiếu tổ tiên. Điểm giống nhau giữa người Việt Công giáo với người Việt không theo Công giáo là họ đều thừa nhận sự tồn tại bất tử của linh hồn, nhưng điểm khác biệt giữa họ là quan niệm về hình thức tồn tại của linh hồn và do đó dẫn đến sự khác biệt về hình thức biểu lộ

việc thờ cúng tổ tiên (Phạm Thị Bích Hằng, 1998, tr. 31).

Trong việc thờ cúng tổ tiên có sự khác biệt giữa người Công giáo và không Công giáo. Khác biệt cơ bản là trong quan niệm về hồn và sự tồn tại của hồn sau khi chết. Trong quan niệm của người Công giáo, một khi con người đã chết thì họ được hưởng nhan Chúa hay đến nơi luyện ngục chờ phán xét. Linh hồn ở nơi luyện ngục sẽ được con cháu cầu nguyện để sớm lên Thiên Đàng, và ở đó họ lại cầu bầu cùng Chúa cho con người ở dương thế. Với người Công giáo thì những người đã chết không có quyền giáng phúc, chẳng làm hại ai và càng không báo thù ai. Còn người Việt không theo Công giáo quan niệm linh hồn sau khi rời khỏi thể xác sẽ về nơi suối vàng để gặp tổ tiên ở đó. Nơi đó, cũng giống như dương gian, tổ tiên cũng có những nhu cầu như ăn, mặc, ở hay các nhu cầu khác như khi còn sống.

Thờ cúng tổ tiên giữa người Công giáo và người không Công giáo có những khác biệt trong hình thức thể hiện. Với quan niệm tổ tiên chỉ hưởng dùng những công phúc, nên trong Công giáo, giỗ chạp thường chú trọng việc xin lễ, đọc kinh chung và làm những việc lành để hướng về ông bà tổ tiên, họ ít quan tâm đến việc sửa soạn đồ cúng, tuyệt đối không đốt vàng mã. Trên bàn thờ tổ tiên chỉ có cắm hương trước di ảnh tượng nhớ ông bà cha mẹ, một đĩa trái cây, một bình hoa với mục đích tôn kính ông bà cha mẹ chứ không hàm ý mời ông bà cha mẹ dùng. Việc giỗ chạp không phân biệt vị thế, vì cứ có người qua đời là gia đình đều tổ

chức lễ giỗ, không cứ người chết đó thuộc hàng nào. Cho nên, cha mẹ vẫn tổ chức giỗ hàng năm cho những đứa con bị chết sớm. Bởi vì, bất cứ ai đã qua đời đều cần đến công đức của người sống làm thay để đền tội. Chính vì thế, giỗ chạp trong Công giáo là dịp những người sống lập công phúc thay cho người chết để họ mau đền hết tội lỗi của mình, sớm được hưởng nhan Chúa nơi Thiên Đàng.

Với người Việt không Công giáo, do tin rằng tổ tiên còn hưởng dùng những của cúng nên việc chuẩn bị giỗ và đồ lễ cúng được coi trọng. Khi mời ông bà về với con cháu, nếu không có điều kiện kinh tế sửa soạn “mâm cao cỗ đầy” thì ít ra cũng phải có bát cơm, quả trứng, bộ quần áo bằng mã để hoá cho ông bà khỏi đói rét. Nếu không làm được như vậy thì con cháu sẽ không an lòng, thậm chí sẽ mang tội bất kính, bất hiếu với tổ tiên và có thể bị tổ tiên giận dữ hay trừng phạt.

Việc thờ cúng tổ tiên có những điểm tương đồng giữa cộng đồng người Việt không Công giáo và giáo dân Công giáo. Điểm tương đồng trước tiên là quan niệm về sự chết. Mặc dù cả hai nhóm xã hội - tôn giáo này có lối diễn tả về sự tồn tại và nơi cư ngụ của linh hồn sau khi chết có khác nhau, nhưng đều diễn tả một điểm: chết không phải là hết.

Một điểm tương đồng nữa trong vấn đề thờ cúng tổ tiên giữa người theo đạo Công giáo và người không theo đạo Công giáo là tìm về nguồn cội. Trong việc báo hiếu, tôn kính tổ tiên cả hai nhóm xã hội - tôn giáo đều có ý nghĩa này. Tầm quan trọng của

nguồn cội góp phần làm cho con người ý thức về sự khác biệt giữa người và vật⁷, đồng thời nó là một trong những yếu tố không thể thiếu để ổn định mọi mặt tâm lý, tình cảm, ý chí, lý trí của một con người.

Tóm lại, việc báo hiếu tổ tiên dù thể hiện dưới dạng thức nào chẳng nữa thì cũng để chỉ mối tương quan gắn bó giữa người sống và người chết, để chỉ mối liên kết cuộc sống trần thế với thế giới sau khi con người qua đời. Tùy theo quan niệm về linh hồn tổ tiên tồn tại như thế nào, cuộc sống sau khi con người qua đời thể hiện ra sao mà có các hình thức thể hiện của người sống cho phù hợp với quan niệm của nhóm xã hội - tôn giáo đó. Khi việc thờ cúng tổ tiên giữ vai trò thắt chặt những mối liên hệ trong gia đình, dòng họ, làm cho những mối liên hệ ấy ngày càng bền vững hơn qua những nghi lễ cúng giỗ tổ tiên, thì mỗi khi nhớ về cội nguồn tiên tổ, người ta cảm thấy tự tin hơn trong cuộc sống.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hồng Dương (1997), *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phạm Thị Bích Hằng (1998), *Vấn đề thờ kính tổ tiên trong nền văn hoá đương đại Việt Nam*, Luận văn tốt nghiệp đại học.
3. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2005), *Sống đạo theo cung cách Việt Nam*, Tài liệu hội thảo mùa phục sinh.

⁷ Theo S. A. Tokarev (1994), con người khác con vật là ở chỗ biết chôn đồng loại. Tôi cho rằng, con người còn khác con vật ở chỗ biết báo hiếu, tôn kính hay phụng thờ đồng loại với những hình thức khác nhau tùy thuộc vào mỗi tộc người hay mỗi nhóm xã hội - tôn giáo khác nhau.

4. Kinh Thánh (2003), *Cựu ước và Tân ước*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

5. Lm. Nguyễn Như Thế, Nguyễn Hữu Triết, Hồ Văn Xuân (1992), *Thần học giáo dân*, Tập 1: Niềm tin, Ủy ban Đoàn kết Công giáo, TP. Hồ Chí Minh.

6. Lm. Nguyễn Như Thế, Nguyễn Hữu Triết, Hồ Văn Xuân (1992), *Thần học giáo dân*, Tập 2: Giáo lý, Ủy ban Đoàn kết Công giáo, TP. Hồ Chí Minh.

7. S. A. Tokarev (2004), *Những hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Bản tiếng Việt.

8. Tòa Giám mục Huế (1999), *Tọa đàm Tôn kính tổ tiên*, Huế, Tư liệu.

9. Viện Nghiên cứu Tôn giáo: Kết quả điều tra xã hội học các năm 1995, 1998, 2003, 2005, 2007, 2008, 2009, Tư liệu Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

10. Viện Thông tin KHXH Việt Nam, *Thần tích - Thần sắc*, FQ4 18/XVI, 40; ĐC. VL/1538.



Chùa Đại Bi

(làng Đông Lao, huyện Hoài Đức, Hà Nội)